

Số: 04/2020/QĐST-HNGĐ

Phú Mỹ, ngày 02 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 478/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Phạm Thị N, sinh năm 1997

Địa chỉ: Tổ A, Khu phố B, phường C, thị xã D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông Phạm Văn Ph, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp Y, xã X, huyện R, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phạm Văn Ph và bà Phạm Thị N là vợ chồng, có tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã D vào năm 2018, nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 12 năm 2019, ông Ph và bà N xác nhận: Mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình thì việc ông Ph và bà N thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Về con chung:

Quá trình chung sống ông Phạm Văn Ph và bà Phạm Thị N có 01 con chung là Phạm Phương S, sinh ngày 13/11/2018. Khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận, giao cho bà N trực tiếp nuôi cháu S đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Ph cấp dưỡng nuôi cháu S mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2020 cho đến khi cháu S trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí việc hôn nhân: Ông Phạm Văn Ph và bà Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Văn Ph và bà Phạm Thị N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về hôn nhân*: Ông Phạm Văn Ph và bà Phạm Thị N thuận tình ly hôn;

2.2. *Về con chung*: Quá trình sống chung giữa ông Phạm Văn Ph và bà Phạm Thị N có 01 con chung là Phạm Phương S, sinh ngày 13/11/2018. Khi ly hôn bà N và ông Ph thỏa thuận, giao cho bà trực tiếp nuôi cháu S đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Ông Ph được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở ông thực hiện quyền này.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông Ph cấp dưỡng nuôi cháu S mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2020 cho đến khi cháu S trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

2.4. *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Ph và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Ông Phạm Văn Ph và bà Phạm Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0002524 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nên ông Ph và bà N đã nộp xong.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- THADS thị xã Phú Mỹ;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- UBND phường C, thị xã D,
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Thái